

Số: 1539/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 13 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1294/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phan Minh D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Căn hộ A tầng A, Tòa nhà S khu dân cư và công viên P, số E, đường N, tổ A, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Căn hộ A tầng A, Tòa nhà S khu dân cư và công viên P, số E, đường N, tổ A, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định yêu cầu và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Lê Thị T và ông Phan Minh D yêu cầu thuận tình ly hôn, do đó yêu cầu của bà T và ông D là yêu cầu về thuận tình ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ việc, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Phan Minh D là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà T và ông D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T và ông D đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không được cải thiện. Từ tháng 3 năm 2025, bà T và ông D không còn chung sống với nhau. Nay, bà T và ông D cùng xác định không còn tình cảm, do đó cả hai đều yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông D là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà T và ông D cùng yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

- Về con chung: Cả hai thống nhất giao hai con chung tên Phan Hạ N, sinh ngày 25/5/2018 và Phan Hải Đ, sinh ngày 30/9/2021 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Hàng tháng ông Phan Minh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng/trẻ/tháng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 6 năm 2025, cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc chấm dứt theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Phan Minh D và bà Lê Thị T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông D và bà T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0072922 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 24/4/2025. Bà Lê Thị T và ông Phan Minh D đã nộp đủ lệ phí.

Xét thỏa thuận nêu trên của bà T và ông D là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc với người thứ ba. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của bà T, ông D là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/6/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T, sinh năm 1991 và ông Phan Minh D, sinh năm 1983 thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế chấm dứt kể từ ngày Quyết định phát sinh hiệu lực)

- Về con chung: Cả hai thống nhất giao hai con chung tên Phan Hạ N, sinh ngày 25/5/2018 và Phan Hải Đ, sinh ngày 30/9/2021 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Hàng tháng ông Phan Minh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng/trẻ/tháng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 6 năm 2025 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Các bên thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phan Minh D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con theo thỏa thuận thì khoản tiền ông D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ cấp dưỡng. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự giải quyết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí:

Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Phan Minh D

và bà Lê Thị T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông D và bà T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0072922 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 24/4/2025. Bà Lê Thị T và ông Phan Minh D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- UBND X. Phú Diên, H.Phú Vang,
Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu: VP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thị Hoài